TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2021
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Quyền;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thuyến, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Bồ Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; thường trú: đội 5, làng V, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: tổ A, khu phố K, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: ông Lê Văn Q, sinh năm 1983; thường trú: đội 5, làng V, xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: tổ A, khu phố K, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-12-2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 05-01-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H,

huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04-6-2002. Sau khi kết hôn, bà L và ông Q sinh sống tại tỉnh Thanh Hóa; đến năm 2007, bà L, ông Q chuyển đến sinh sống tại phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà L phải tự lo mọi công việc trong gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng bà L đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Bà L và ông Q đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà L và ông Q không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà L và ông Q có 02 con chung tên Lê Thị H, sinh ngày 19-4-2003 và Lê Thị H, sinh ngày 13-01-20210. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị H, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung tên Lê Thị H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn Q vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Lê Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn Q.

[2] Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04-6-2002, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà L thì trong thời gian chung sống giữa bà L và ông Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Q không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bà L phải tự lo mọi công việc trong gia đình. Bà L và ông Q đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông Q

tham gia tố tụng nhưng ông Q vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông Q vắng mặt không có lý do, là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Q là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Q là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà L và ông Q có 02 con chung tên Lê Thị H, sinh ngày 19-4-2003 và Lê Thị H, sinh ngày 13-01-2010. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị H. Xét thấy, cháu H đang sống cùng với bà L và có nguyện vọng sống cùng với bà L nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Con chung tên Lê Thị H đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị H, sinh ngày 13-01-2010 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Lê Văn Q không phải cấp dưỡng dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn Q đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con

và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052197 ngày 19-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Hương Diệp

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Diệp